TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **242**/2025/DS-ST
Ngày 12-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố và thuê tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Minh

Ông Huỳnh Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 369/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng cầm cố và thuê tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần S

Địa chỉ: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là số A N, phường T, tỉnh Nghệ An).

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Kanokwatpaisal Napat – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Thanh T – Nhân viên Công ty Cổ phần S Có Ngay (Theo văn bản ủy quyền số 196/2023/UQ-SVN ngày 01/12/2023 của Giám đốc) (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số C L, phường T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp R, xã T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 06/01/2025, chị Nguyễn Ngọc H với Công ty Cổ phần S (gọi tắt là Công ty) ký kết hợp đồng cầm cố tài sản số 6CM250101003NA23X, cụ thể như sau: Chị H có cầm cố cho

Công ty A (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, biển kiểm soát 69N1-.....60, số khung RLHJA3.., số máy JA39.., giấy chứng nhận đăng ký số 000547 do Công an xã K cấp ngày 05/6/2023. Số tiền cầm cố tài sản là 7.606.382 đồng, thời hạn cầm cố là 06 tháng, lãi suất cầm cố là 1,1%/tháng và các khoản phí phát sinh theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng cầm cố và phí hao mòn tài sản theo các bên đã thỏa thuận. Ngoài ra, khi thanh toán quá hạn, chị H còn phải chịu phí phạt bằng 150% lãi trong hạn. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại: 8% nghĩa vụ bị vi phạm. Trường hợp chậm trả quá 10 ngày, vi phạm hợp đồng mà không gia hạn, chi nhánh sẽ tiến hành thu hồi tài sản để thay cho nghĩa vụ vay được đảm bảo.

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, cùng ngày 06/01/2025, chị H đã thỏa thuận với Công ty thuê lại chiếc xe để phục vụ đi lại và cam kết theo nội dung giấy mượn xe, tài sản mượn. Thời gian thuê xe kể từ ngày 06/01/2025 đến ngày 06/7/2025, phí thuê xe 410.744,68 đồng/tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, khách hàng đã không thanh toán tiền thuê xe, không trả tài sản thuê, không thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng cầm cố, Công ty đã nhiều lần gọi điện, cử nhân viên Công ty đến gặp trực tiếp chị H để yêu cầu thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng cầm cố đã ký hoặc bàn giao tài sản cầm cố đã thuê lại để đảm bảo cho khoản cầm cố với Công ty. Nhưng chị H vẫn không hợp tác, cố ý lẫn tránh không thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký và không bàn giao tài sản cầm cố mà chị H đã thuê.

Nay Công ty yêu cầu chị H phải thanh toán cho Công ty số tiền tính đến hết ngày 12/9/2025 làm tròn là 10.102.000 đồng, trong đó: Tiền gốc 7.606.382 đồng, tiền lãi trong hạn tính từ ngày 06/02/2025 đến 12/9/2025 là: 7.606.382 đồng x 1,1% x 08 tháng = 669.361 đồng, phí thuê xe 06 tháng là 1.826.646 đồng. Công ty đồng ý trả lại cho chị H giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000547 do Công an xã K cấp ngày 05/6/2023 do chị Nguyễn Ngọc H đứng tên.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Ngọc H đúng theo quy định pháp luật, nhưng chị H không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 11/9/2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Thanh T có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật; bị đơn chị Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Vào ngày 06/01/2025, Công ty và chị Nguyễn Ngọc H có ký kết hợp đồng cầm cố tài sản số 6CM250101003NA23X. Theo đó, chị H cầm cố cho Công ty A (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, biển kiểm soát 69N1-….60, số khung

RLHJA3…, số máy JA39…, giấy chứng nhận đăng ký số 000547 do Công an xã K cấp ngày 05/6/2023 với số tiền 7.606.382 đồng; thời hạn cầm cố 06 tháng; mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh; lãi suất cầm cố: 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 5% đối với số tiền quá hạn thanh toán/tháng tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Các bên ký kết hợp đồng trên tinh thần tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 309 Bộ luật Dân sự, lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên là căn cứ pháp lý buộc các bên thực hiện.

[3] Sau khi cầm cố chiếc xe máy nói trên cho Công ty, chị H thuê lại chiếc xe này với giá 410.744,68 đồng/tháng, thời hạn thuê là 06 tháng kể từ ngày 06/01/2025 đến ngày 06/7/2025. Tuy nhiên, hết thời hạn thuê, chị H không trả tiền thuê cũng không trả lại tài sản thuê. Hiện nay, tài sản cầm cố và tài sản thuê là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, biển kiểm soát 69N1-….60, số khung RLHJA3…, số máy JA39… do chị H đang quản lý, sử dụng; bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000547 do Công an xã K cấp ngày 05/6/2023 đứng tên chị Nguyễn Ngọc H do Công ty đang quản lý. Do đó, Công ty yêu cầu chị H phải có trách nhiệm thanh toán số tiền cầm cố 7.606.382 đồng, tiền lãi 669.361 đồng và tiền thuê xe 1.826.646 đồng, tổng cộng 10.102.000 đồng (làm tròn) là có căn cứ chấp nhận. Công ty đồng ý trả lại cho chị Nguyễn Ngọc H bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000547 do Công an xã K cấp ngày 05/6/2023 do chị Nguyễn Ngọc H đứng tên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc yêu cầu chị H trả tổng số tiền 10.102.000 đồng. Công ty có nghĩa vụ trả cho chị H bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nêu trên.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là: 10.102.000 đồng x 5% = 505.100 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 309, Điều 472 và Điều 481 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S. Buộc chị Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S số tiền 10.102.000 (mười triệu một trăm lẻ hai nghìn) đồng.

Đối với khoản tiền phải thanh toán. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Buộc Công ty Cổ phần S trả lại cho chị Nguyễn Ngọc H bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000547 do Công an xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 05/6/2023 do chị Nguyễn Ngọc H đứng tên.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 505.100 (năm trăm lẻ năm nghìn một trăm) đồng.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005717 ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Dương Minh Út